

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÁT TÀI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÁT TÀI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHAT TAI INVESTMENT TRADE SERVICES CONSULTING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110196732

3. Ngày thành lập: 01/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số 5 ngõ 189/43 đường Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988432024

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
10.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
11.	Bán buôn thực phẩm	4632
12.	Bán buôn đồ uống	4633
13.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...; Bán buôn ô dù; Bán buôn dao, kéo; Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: Kính râm, ống nhòm, kính lúp); Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng miếng, vàng kim loại)	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt, lông vũ...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	4669
23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
24.	Dịch vụ đóng gói	8292
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

26.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
27.	Hoạt động thể thao khác	9319
28.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
29.	Lập trình máy vi tính	6201
30.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
31.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
32.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
33.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
34.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động báo chí)	6399
35.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
36.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
37.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ quản lý bất động sản (Khoản 1, 2 Điều 75 Luật kinh doanh bất động sản 2014); - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Khoản 1, 2 Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản 2014); - Dịch vụ môi giới bất động sản (Khoản 1, 3 Điều 62 Luật kinh doanh bất động sản 2014); - Sàn giao dịch bất động sản (Khoản 1, 2, 3 Điều 69 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6820
38.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn pháp luật, kế toán, tài chính)	7020
39.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
40.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
41.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý	7490
42.	Cho thuê xe có động cơ	7710
43.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690

44.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
45.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
49.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất súp và nước xuyết; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; - Sản xuất thực phẩm chức năng.	1079
50.	Sản xuất sợi	1311
51.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
52.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
53.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
54.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
55.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
56.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394

57.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính, - Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn... - Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua, - Sản xuất nỉ, - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viên đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí, - Sản xuất tấm dệt được tẩm, được phủ hoặc tráng nhựa, - Sản xuất sợi kim loại hoá hoặc dây thừng và dây cao su có lớp nguyên liệu dệt phủ ngoài, sợi dệt được tráng, phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa, - Sản xuất vải bố làm lớp xe bằng sợi nhân tạo có độ bền cao, - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng..., - Sản xuất các sản phẩm dệt khác: mạng đèn măng sông, - Sản xuất ống phun nước, băng chuyền, băng tải (bất kể chúng được tăng cường bằng kim loại hoặc vật chất khác hay không), - Sản xuất vải lót máy móc, - Sản xuất vải quần áo dễ co giãn, - Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật, - Sản xuất dây giày, - Sản xuất bông đánh phấn và găng tay, - May bao đựng gạo, vắt sỏ quần áo.	1399
58.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
59.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
60.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
61.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
62.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
63.	Sản xuất giày, dép	1520
64.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
65.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
66.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
67.	In ấn	1811
68.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
69.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
70.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
71.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219

72.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
73.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
74.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
75.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
76.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
77.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
78.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
79.	Đúc sắt, thép	2431
80.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
81.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
82.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
83.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
84.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
85.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân huy chương)	2599
86.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
87.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
88.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
89.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
90.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
91.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
92.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
93.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
94.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
95.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
96.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
97.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
98.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
99.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
100.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
101.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
102.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
103.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ (trừ súng đạn, tem, và tiền kim khí, trừ hoạt động của đấu giá viên)	4781
104.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

105.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
106.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
107.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
108.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng taxi - Vận tải hành khách bằng xe ô tô	4931
109.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách theo tuyến cố định - Vận tải hành khách bằng xe hợp đồng, vận tải hành khách du lịch bằng xe ô tô	4932
110.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (-Khoản 1 Điều 14 Nghị định 10/2020/NĐ-CP -Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 46 Thông tư 12/2020/TT-BGTVT -Khoản 1 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ)	4933
111.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
112.	Bốc xếp hàng hóa	5224
113.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không)	5229
114.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
115.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
116.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
117.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
118.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video	5911
119.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm	5920
120.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

121.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
122.	Đại lý du lịch	7911
123.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: dịch vụ lữ hành nội địa; dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
124.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
125.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
126.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
127.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
128.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
129.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
130.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
131.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
132.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
133.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
134.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
135.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
136.	Xây dựng nhà để ở	4101
137.	Xây dựng nhà không để ở	4102
138.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
139.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
140.	Xây dựng công trình điện	4221
141.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
142.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
143.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
144.	Xây dựng công trình thủy	4291
145.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
146.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
147.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
148.	Phá dỡ	4311
149.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ nỏ mìn; Dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nỏ) tại mặt bằng xây dựng)	4312
150.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
151.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
152.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
153.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

